

Số: 908/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp nghề, hệ chính quy
cho học sinh khóa 15TCN**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Thông báo số 184/TB-LTT-ĐT ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp Trung cấp nghề và Cao đẳng nghề của học sinh sinh viên khóa 2015;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-LTT-ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15TC (9+3), 16 TN(12+2), 16TCT (12+2N3T), Trung cấp nghề khóa 15TCN (9+3), Trung cấp khóa 17T2(1N3T) và các khóa cũ thi lại năm học 2017-2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp các khóa 15TCCN (9+3), 16TN, 16TCT và Trung cấp nghề khóa 15TCN (9+3) ngày 22 tháng 8 năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp nghề, hệ chính quy cho 45 học sinh của khóa 15TCN (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.



Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ
KỲ THI THÁNG 08/2018

(Kèm theo Quyết định số: 908 /QĐ-LTT-ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	TBC toàn khóa	ĐIỂM THI TN			Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	CC TH	CC TA
							Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề				
1	15000237	Trương Đình Trọng	02/03/2000	Nam	15TCN-Đ	6.1	6.0	7.0	7.5	6.7	Trung bình khá		A
2	15003357	Phạm Quang Vinh	22/06/2000	Nam	15TCN-Đ	7.3	6.0	7.0	8.5	7.7	Khá		A
3	15000087	Nguyễn Dương Quốc Duy	07/07/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.0	9.0	7.5	7.0	7.1	Khá	A	A
4	15000858	Lê Cẩm Nghĩa	17/05/1994	Nam	15TCN-ĐT	8.9	9.0	9.5	8.0	8.7	Giỏi	A	A
5	15002646	Lê Nguyễn Hoàng Nhân	21/01/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.4	9.0	9.0	8.0	7.9	Khá	A	
6	15000608	Đường Vinh Phúc	12/11/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.7	8.5	8.0	8.5	8	Giỏi	A	
7	15000691	Hồ Tân Tài	25/11/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.1	9.0	7.5	7.5	7.3	Khá	A	A
8	15000190	Đặng Lê Hoàng Thái	11/04/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.0	8.5	8.0	8.0	7.5	Khá	A	A
9	15000798	Lê Vinh	17/05/2000	Nam	15TCN-ĐT	7.5	8.5	7.5	6.0	7	Khá	A	A
10	15000067	Hà Gia Ân	09/11/2000	Nam	15TCN-LĐL	6.7	8.0	6.0	7.0	6.7	Trung bình khá		
11	15001536	Lê Trung Nhân	25/12/2000	Nam	15TCN-LĐL	7.3	8.0	5.5	8.0	7.2	Khá		
12	15000797	Lê Quang	17/05/2000	Nam	15TCN-LĐL	7.4	8.0	10.0	7.0	7.7	Khá		
13	15003379	Vương Nhân Kiên	05/01/1998	Nam	15TCN-CKL	8.0	6.5	8.0	7.5	7.8	Khá		
14	15000139	Nguyễn Phi Khang	09/12/2000	Nam	15TCN-Ô	7.3	8.5	6.5	6.0	6.7	Trung bình khá		



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	TBC toàn khóa	ĐIỂM THI TN			Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	CC TH	CC TA
								Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề				
15	15000381	Nguyễn Quốc Công	Khanh	18/11/2000	Nam	15TCN-Ô	7.1	6.0	6.5	8.0	7.3	Khá		
16	15000185	Lại Phạm Tuấn	Kiệt	18/04/2000	Nam	15TCN-Ô	7.9	8.0	6.0	9.0	8	Giỏi		
17	15000068	Phan	Thịnh	28/01/2000	Nam	15TCN-Ô	6.3	6.5	5.0	8.0	6.7	Trung bình khá		
18	15000373	Phạm Nguyễn Lâm	Trường	08/07/2000	Nam	15TCN-Ô	6.8	6.0	5.0	7.0	6.6	Trung bình khá		
19	15000029	Nguyễn Thành	Công	22/11/2000	Nam	15TCN-QTM	7.7	8.5	6	8.5	7.7	Khá		A
20	15000125	Bùi Hoàng	Duy	24/11/1999	Nam	15TCN-QTM	6.5	8.0	6.0	8.0	6.9	Trung bình khá		A
21	15002057	Nguyễn Tiến	Hùng	06/10/2000	Nam	15TCN-QTM	7.0	7.0	6.0	8.0	7.2	Khá		A
22	15000115	Nguyễn Ngọc Song	Hương	17/09/2000	Nữ	15TCN-QTM	7.7	8.0	6.5	9.0	7.9	Khá		A
23	15002515	Nguyễn Tăng	Huy	21/02/2000	Nam	15TCN-QTM	6.9	8.0	7.5	7.5	7.2	Khá		
24	15000075	Lê Đình	Khôi	11/06/2000	Nam	15TCN-QTM	7.2	8.0	7.5	9.0	7.9	Khá		A
25	15000358	Diệp Bảo	Long	06/12/2000	Nam	15TCN-QTM	7.5	7.0	6.5	8.0	7.5	Khá		
26	15001022	Đỗ Trần	Long	07/05/2000	Nam	15TCN-QTM	6.4	6.5	7.5	5	6.1	Trung bình khá		A
27	15001781	Lê Thành	Long	23/10/2000	Nam	15TCN-QTM	6.7	7.5	7.5	6.0	6.6	Trung bình khá		A
28	15000689	Nguyễn Văn	Long	25/06/2000	Nam	15TCN-QTM	6.6	6.0	6.5	5.0	6.1	Trung bình khá		A
29	15000837	Nguyễn Phi	Nga	13/12/1997	Nữ	15TCN-QTM	6.9	8.0	6.0	8.5	7.3	Khá		A
30	15000236	Lê Đăng	Quang	07/02/2000	Nam	15TCN-QTM	6.4	7	5	8.5	6.9	Trung bình khá		A
31	15001313	Trần Thanh	Tuấn	13/01/2000	Nam	15TCN-QTM	8.2	7.5	7.5	10.0	8.7	Giỏi		
32	15002726	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	07/11/2000	Nữ	15TCN-MTT	6.4	6.5	6.5	8.5	7.1	Khá	A	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	TBC toàn khóa	ĐIỂM THI TN			Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	CC TH	CC TA
							Chính trị	Lý thuyết nghề	Thực hành nghề				
33	15000254	Lê Thị Thùy Nhung	12/04/2000	Nữ	15TCN-MTT	7.7	7.5	7.5	8.5	7.9	Khá		
34	15000232	Đỗ Huỳnh Thiên Bảo	28/11/2000	Nam	15TCN-KTD	7.7	7.0	8.0	7.0	7.5	Khá	A	
35	15000494	Nguyễn Minh Đức	03/08/2000	Nam	15TCN-KTD	7.0	6.5	8.0	9.0	7.8	Khá		
36	15003488	Nguyễn Hoàng Kim	31/12/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.1	8.5	8.5	7.0	7.3	Khá		
37	15000641	Nguyễn Đăng Hoài Nhật	31/5/2000	Nam	15TCN-KTD	7.0	6.0	7.5	5.0	6.4	Trung bình khá		
38	15002419	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/11/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.1	6.0	8.0	5.0	6.6	Trung bình khá		
39	15000158	Vũ Kim Phụng	29/09/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.0	7.0	6.5	6.0	6.6	Trung bình khá	A	
40	15000130	Nguyễn Bùi Bích Phượng	26/6/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.0	6.0	5.5	5.0	6.1	Trung bình khá	A	
41	15003424	Huỳnh Phương Anh Thư	13/05/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.2	8.5	7.5	5.0	6.5	Trung bình khá	A	
42	15003430	Mạch Ngọc Minh Trâm	21/10/1995	Nữ	15TCN-KTD	6.9	5.5	5.5	5.0	6	Trung bình khá	A	
43	15000385	Đỗ Duy Phương Uyên	02/02/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.1	6.0	7.0	5.5	6.6	Trung bình khá		
44	15000318	Lê Thị Hồng Vi	14/06/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.8	7.0	8.5	7.0	7.7	Khá	A	
45	15002137	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	03/02/2000	Nữ	15TCN-KTD	7.2	6.5	8.0	5.5	6.8	Trung bình khá	A	A

Tổng cộng danh sách có 45 học sinh.

* Loại **GIỎI** : 04 HS # 8.9 %
 * Loại **KHÁ** : 23 HS # 51.0 %
 * Loại **TB KHÁ** : 18 HS # 40.0 %
 * Loại **TB** : 0 HS # 0.0 %

(Signature)

